

7. KINH VÍ DỤ TẮM VẢI (*Vatthūpama Sutta*)¹

70. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatti (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, như một tấm vải cấu ứ, nhiễm bụi, một người thợ nhuộm nhúng tấm vải ấy vào thuốc nhuộm này hay thuốc nhuộm khác, hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc tía, vải ấy sẽ được màu nhuộm không tốt đẹp, sẽ được màu nhuộm không sạch sẽ. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì tấm vải không được trong sạch. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cõi ác² chờ đợi một tâm cấu ứ. Này các Tỷ-kheo, như một tấm vải thanh tịnh, trong sạch, một người thợ nhuộm nhúng tấm vải ấy vào thuốc nhuộm này hay thuốc nhuộm khác, hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc tía, vải ấy sẽ được màu nhuộm tốt đẹp, sẽ được màu nhuộm sạch sẽ. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì tấm vải được trong sạch. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cõi thiện chờ đợi một tâm không cấu ứ.

71. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những cấu ứ của tâm? Tham dục-tà tham³ là cấu ứ của tâm, sân là cấu ứ của tâm, phần là cấu ứ của tâm, hận là cấu ứ của tâm, hư ngụy... nã hại... tật đố... xan tham... man trá... khi cuồng... ngoan cố... cấp tháo... mạn... quá mạn... kiêu... phóng dật là cấu ứ của tâm.

72. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghĩ rằng: “Tham dục-tà tham là cấu ứ của tâm”, và sau khi biết vậy, vị ấy đoạn trừ tham dục-tà tham cấu ứ của tâm,

¹ *Chú giải Sumaṅgalavilāsini* viết *Vattha Sutta* (DA. I. 50). Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Thủy Tịnh Phạm chí kinh* 水淨梵志經 (T.01. 0026.93. 0575a19). Tham chiếu: *Phạm chí Kế Thủy Tịnh kinh* 梵志計水淨經 (T.01. 0051. 0843c13); *Tap. 雜* (T.02. 0099.1185. 0321a24); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.98. 0408b25); *Tăng. 增* (T.02. 0125.13.5. 0573c01).

² Cõi ác: Chỉ cho địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

³ Tham dục là sự tham đắm đối với sở hữu của mình. Tà tham là tham đắm đối với sở hữu của người khác.

⁴ Hân tạng nói đến 21 tâm ứ: Tà kiến 邪見, phi pháp dục 非法欲, ác tham 惡貪, tà pháp 邪法, tham 貪, nhuế 恚, thụy miên 睡眠, điều hối 調悔, nghi hoặc 疑惑, sân triền 瞋纏, bất ngữ kết tâm 不語結心, xan 慳, tật 嫉, khi cuồng 欺誑, du siểm 諛諂, vô tầm 無慙, vô quý 無愧, mạn 慢, đại mạn 大慢, kiêu ngạo 憍傲, phóng dật 放逸.

nghĩ rằng: “Sân là cấu uế của tâm”, và sau khi biết vậy, vị ấy đoạn trừ sân, cấu uế của tâm, ... phần... hận... hư nguy... não hại... tật đồ... xan tham... man trá... khi cuồng... ngoan cố... cấp tháo... mạn... quá mạn... kiêu..., nghĩ rằng: “Phóng dật là cấu uế của tâm”, và sau khi biết vậy, vị ấy đoạn trừ phóng dật, cấu uế của tâm.

73. Nay các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo biết được: “Tham dục-tà tham là cấu uế của tâm”, tham dục-tà tham cấu uế của tâm được diệt trừ, sân... phần... hận... hư nguy... não hại... tật đồ... xan tham... man trá... khi cuồng... ngoan cố... cấp tháo... mạn... quá mạn... kiêu..., khi nào Tỷ-kheo biết được: “Phóng dật là cấu uế của tâm”, phóng dật cấu uế của tâm được diệt trừ.

74. Tỷ-kheo ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Phật: “Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn”; vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Pháp: “Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian,⁵ đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng,⁶ được người có trí chứng hiểu”; vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với chúng Tăng: “Diệu hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Trục hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Như lý hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Chánh hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị.⁷ Chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.”

75. Đến giai đoạn này,⁸ đối với vị ấy có sự từ bỏ, có sự diệt trừ, có sự giải thoát, có sự đoạn trừ, có sự xả ly. Vị ấy tự nghĩ: “Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Thế Tôn”, và chứng được Nghĩa tín thọ (*Atthaveda*), chứng được Pháp tín thọ (*Dhammaveda*), chứng được hân hoan liên hệ đến Pháp, từ hân hoan hỷ sanh, từ hỷ thân được khinh an, thân khinh an cảm giác được lạc thọ, với lạc thọ tâm được thiên định. Vị ấy tự nghĩ: “Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Pháp”, và chứng được Nghĩa tín thọ, chứng được Pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến Pháp, từ hân hoan hỷ sanh, từ hỷ thân được khinh an, thân khinh an cảm giác được lạc thọ, với lạc thọ tâm được thiên định. Vị ấy tự nghĩ: “Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Tăng”, và chứng được Nghĩa tín thọ, chứng được Pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến Pháp, từ hân hoan hỷ sanh, từ hỷ thân được khinh an, thân khinh an cảm giác được lạc thọ, với lạc thọ tâm được thiên định. Vị ấy tự nghĩ: “Đến giai đoạn này, đối với ta, có sự từ bỏ, có sự diệt trừ, có sự giải thoát, có sự đoạn trừ, có sự xả ly”, và chứng được Nghĩa tín thọ, chứng được Pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến Pháp, từ hân hoan hỷ sanh, từ hỷ thân khinh an, thân khinh an cảm giác được lạc thọ, với lạc thọ tâm được thiên định.

⁵ *Akālika*: Không thuộc thời gian; có nghĩa là quả xảy ra tức thì, không có khoảng cách thời gian.

⁶ Hướng thượng: Tức là Niết-bàn.

⁷ Bốn đôi 8 vị: 4 đôi Đạo và Quả; 8 vị là 4 Đạo và 4 Quả.

⁸ *Yathodhi*: Đến giai đoạn này vị ấy đã đạt phẩm vị Bất lai. Xem *MA*. I. 172.

76. Nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo giới như vậy,⁹ pháp như vậy,¹⁰ tuệ như vậy, nếu có ăn đồ khất thực với gạo thơm, hạt đen được vắt đi, với các món canh, với các món ăn khác cũng không vì vậy trở thành một chướng ngại cho vị ấy. Nay các Tỷ-kheo, như một tấm vải cấu uế, nhiễm bụi, nếu bỏ trong nước sạch, trở thành thanh tịnh sạch sẽ, như vàng bỏ vào lò lửa trở thành thanh tịnh sạch sẽ. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo giới như vậy, pháp như vậy, tuệ như vậy, nếu có ăn đồ khất thực với gạo thơm, hạt đen được vắt đi, với các món canh, với các món ăn khác cũng không vì vậy trở thành một chướng ngại cho vị ấy.

77. Vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với bi, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Biến mãn một phương với tâm câu hữu với hỷ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với hỷ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

78. Vị ấy biết: “Có cái này,¹¹ có cái hạ liệt,¹² có cái cao thượng,¹³ có sự giải thoát vượt qua các tướng.” Do vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, trí khởi lên: “Ta đã giải thoát.” Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa.” Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là Tỷ-kheo đã được tắm rửa với sự tắm rửa nội tâm.

79. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja đang ngồi không xa Thế Tôn. Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama có đi đến sông Bāhukā để tắm rửa không?

⁹ Chỉ cho sự tu tập giới luật liên hệ đến quả Bất lai.

¹⁰ Sự tu tập thiền định cũng như sự tu tập trí tuệ liên hệ đến Bất lai đạo. Chữ *dhamma* ở đây chỉ cho *samādhi* (định), có chỗ gọi là *citta*.

¹¹ *MA*. I. 176 chỉ cho phiền não còn sót lại của vị A-na-hàm.

¹² Khổ và khổ tập.

¹³ Chỉ cho những phương tiện đoạn trừ khổ.

– Này Bà-la-môn, sông Bāhukā là gì? Sông Bāhukā có làm được lợi ích gì?

– Tôn giả Gotama, sông Bāhukā được nhiều người xem là có khả năng giải thoát. Tôn giả Gotama, sông Bāhukā được nhiều người xem là có khả năng đem lại công đức. Và nhiều người đã gột sạch các ác nghiệp trong sông Bāhukā.

Rồi Thế Tôn nói lên những bài kệ sau đây cho Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja:

Trong sông Bāhukā,
 Tại Adhikakkā,
 Tại cả sông Gayā,
 Và Sundarikā,
 Tại Sarassatī,
 Và tại Payāga,
 Tại Bahumatī,
 Kẻ ngu dẫu thường tắm,
 Ác nghiệp không rửa sạch.
 Sông Sundarikā,
 Có thể làm được gì?
 Payāga làm gì?
 Cả sông Bāhukā?
 Không thể rửa nghiệp đen,
 Của kẻ ác gây tội.
 Đối kẻ sống thanh tịnh,
 Ngày nào cũng ngày tốt,¹⁴
 Với kẻ sống thanh tịnh,
 Ngày nào cũng ngày lành,¹⁵
 Các tịnh nghiệp thanh tịnh,
 Luôn thành tựu [thiện] hành.
 Này vị Bà-la-môn,
 Chỉ nên tắm ở đây,
 Khiến mọi loài chúng sanh,
 Được sống trong an ổn.
 Nếu không nói dối trá,
 Nếu không hại chúng sanh,
 Không lấy của không cho,
 Có lòng tin, không tham,
 Đi Gayā làm gì,
 Gayā một giếng nước?

¹⁴ *Phaggu*: Tên một chòm sao tốt lành, nên *Phaggu* được dịch là tốt lành. Theo truyền thống Bà-la-môn, ai tắm sông trong tháng *Phagguṇa* được trừ sạch mọi tội lỗi. Xem *MA*. I. 179.

¹⁵ *Uposatha*: Ngày Bô-tát, được xem là ngày tốt lành.

80. Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tăng. Mong con được xuất gia với Tôn giả Gotama! Mong con được thọ Đại giới!

Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja được xuất gia với Thế Tôn, được thọ Đại giới. Trong thời gian ngắn sau khi thọ Đại giới, Tôn giả Bhāradvāja sống độc cư, không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần và không bao lâu sau khi tự thân chứng ngộ với thượng trí, chứng đắc và an trú ngay trong hiện tại Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, mà vì mục đích này các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy đã thắng tri: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa.” Như vậy, Tôn giả Bhāradvāja trở thành một vị A-la-hán nữa.



